TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY AN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 37/2020/QĐST-HNGĐ	*Tuy An, ngày 26 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 265/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019; giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Đ, sinh năm 1994

Nơi đăng ký HKTT: Thôn P, xã A (nay là xã AH), huyện T, tỉnh Phú Yên

Địa chỉ: Thôn TL, xã AC, huyện T, tỉnh Phú Yên

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn P, xã A (nay là xã AH), huyện T, tỉnh Phú Yên

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 5 năm 2020

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Đ và anh Nguyễn Thành T

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Phạm Thị Đ và anh Nguyễn Thành T thống nhất có 01 con chung: Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 13/10/2014 (Giới tính: Nữ). Chị Phạm Thị Đ được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Mỹ T. Anh Nguyễn Thành T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng *(Một triệu đồng)*. Thời hạn cấp dưỡng bắt đầu tính từ tháng 5 năm

2020 và chấm dứt khi phát sinh một trong các trường hợp được quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không giải quyết

- Về án phí: Chị Phạm Thị Đ tự nguyện chịu 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà chị Đ đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số 0011786 ngày 11 tháng 12 năm 2019 của chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên; chị Đ đã nộp đủ.

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên
- VKSND huyện Tuy An, Phú Yên ;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy An
- UBND xã An Hòa Hải, huyện Tuy An
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Lê Thanh Tùng